



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Sơ cấp - LE 4.14

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H72520850200000001	NGUYEN THUY HIEN	女	2003-10-05	037303002673	LE 4.14	
2	H72520850200000002	THAN THI HUONG KHANH	女	2004-03-11	024304006070	LE 4.14	
3	H72520850200000003	TRAN THI TRA MY	女	2003-02-04	001303021337	LE 4.14	
4	H72520850200000004	CAO THU QUYNH	女	2004-07-04	019304007265	LE 4.14	
5	H72520850200000005	LUU DIEU NGOC	女	2008-10-16	026308006236	LE 4.14	
6	H72520850200000006	TRAN THI HUYEN	女	2008-08-23	026308006789	LE 4.14	
7	H72520850200000007	TRAN KHANH NHU	女	2008-12-20	026308007397	LE 4.14	
8	H72520850200000008	DINH LAM NHI	女	2008-04-23	031308014670	LE 4.14	
9	H72520850200000009	NGUYEN THI MINH YEN	女	2008-09-27	026308010768	LE 4.14	
10	H72520850200000010	HA HAI NAM	男	2009-04-18	027209010216	LE 4.14	
11	H72520850200000011	HOANG THI KHANH HUYEN	女	2003-09-08	014303002789	LE 4.14	
12	H72520850200000012	NGUYEN THI NGOC DUNG	女	2006-10-26	036306016375	LE 4.14	
13	H72520850200000013	NGUYEN KHANH VAN	女	2007-11-25	001307029347	LE 4.14	
14	H72520850200000014	TRAN THI TU QUYEN	女	2004-02-19	001304017325	LE 4.14	
15	H72520850200000015	NGUYEN HOANG GIANG	男	1999-04-29	027099001672	LE 4.14	
16	H72520850200000016	NGUYEN HUY HOANG	男	2003-02-01	024203009698	LE 4.14	
17	H72520850200000017	NGUYEN THI NGOC OANH	女	2008-12-14	040308007344	LE 4.14	
18	H72520850200000018	NGUYEN NHAT LINH	女	2003-09-07	036303012671	LE 4.14	
19	H72520850200000019	PHAM THU THUY	女	2004-09-18	022304007006	LE 4.14	
20	H72520850200000020	KHUC PHUONG LINH	女	2009-04-07	027309010140	LE 4.14	
21	H72520850200000021	PHAM THI PHUONG	女	2002-05-21	030302000829	LE 4.14	
22	H72520850200000022	NGUYEN THI TAM	女	2002-05-02	040302015841	LE 4.14	
23	H72520850200000023	BUI DIEM QUYNH	女	2007-12-12	036307000985	LE 4.14	
24	H72520850200000024	PHAM NGOC TRUONG	男	2005-05-10	034205014793	LE 4.14	
25	H72520850200000025	BUI THU PHUONG	女	2009-08-17	027309005760	LE 4.14	
26	H72520850200000026	BUI HUYEN TRANG	女	2008-07-29	002308001996	LE 4.14	
27	H72520850200000027	DUONG TIEN DUNG	男	2003-08-09	024203001673	LE 4.14	
28	H72520850200000028	NGUYEN HA CHI	女	2001-02-27	001301001739	LE 4.14	
29	H72520850200000029	DUONG TRAN BAO NGOC	女	2008-07-07	019308006422	LE 4.14	
30	H72520850200000030	NGUYEN PHAM NGUYEN HO	女	2003-06-27	079303038121	LE 4.14	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Sơ cấp - LE 4.16

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H72520850200000031	MAI THI LE THUY	女	2003-05-08	038303003594	LE 4.16	
2	H72520850200000032	HOANG THI NGOC OANH	女	2008-04-20	024308011081	LE 4.16	
3	H72520850200000033	NGUYEN BICH HAU	女	2004-02-24	001304042676	LE 4.16	
4	H72520850200000034	NGUYEN HUYEN ANH	女	2004-05-06	001304027144	LE 4.16	
5	H72520850200000035	BUI KHANH LINH	女	2004-02-01	001304027894	LE 4.16	
6	H72520850200000036	LAM TA NINH HOA	女	2003-08-25	001303013833	LE 4.16	
7	H72520850200000037	NGUYEN THANH THAO	女	2003-02-11	001303002798	LE 4.16	
8	H72520850200000038	TRINH THUY HANG	女	2004-06-09	015304008834	LE 4.16	
9	H72520850200000039	CAO VAN DOANH	男	2000-10-28	035200002938	LE 4.16	
10	H72520850200000040	NGUYEN PHUONG HOAI LIN	女	2004-02-02	001304036097	LE 4.16	
11	H72520850200000041	NGUYEN THI VAN	女	2004-05-29	024304005228	LE 4.16	
12	H72520850200000042	LE TRUNG HIEU	男	2008-05-07	001208000680	LE 4.16	
13	H72520850200000043	VU THI ANH	女	2004-01-08	030304003943	LE 4.16	
14	H72520850200000044	DOAN KIEU LINH CHI	女	2003-09-29	019303003694	LE 4.16	
15	H72520850200000045	TRAN DUC PHU	男	1996-06-17	033096009549	LE 4.16	
16	H72520850200000046	BUI HUY TUYEN	男	2004-05-17	040204023968	LE 4.16	
17	H72520850200000047	NGUYEN THI TIEN	女	2009-10-28	001309002235	LE 4.16	
18	H72520850200000048	LUU PHUONG THAO	女	2005-10-29	019305000847	LE 4.16	



TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 21.12.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Sơ cấp - IE 4.13

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H/2520850200000049	NGUYEN THI THUY QUYNH	女	1998-05-25	040198024367	IE 4.13	
2	H72520850200000050	DINH THI THU TRANG	女	2002-08-30	040302003278	IE 4.13	
3	H72520850200000051	DAO ANH THU	女	2008-11-20	002308010911	IE 4.13	
4	H72520850200000052	PIIUNG TIAO MY	女	2008-11-30	025308007165	IE 4.13	
5	H72520850200000053	NGUYEN TRONG DUNG	男	2004-04-05	027204001330	IE 4.13	
6	H72520850200000054	NGUYEN THI ANH THU	女	2008-03-16	024308009673	IE 4.13	
7	H72520850200000055	NGUYEN HUONG LAM	女	2005-10-14	019305007536	IE 4.13	
8	H72520850200000056	PHAN THI NGUYET	女	2003-06-17	034303004313	IE 4.13	
9	H72520850200000057	PHAM KHANH VAN	女	2004-05-26	034304004790	IE 4.13	
10	H72520850200000058	NGUYEN TRINH THANH HAI	女	2008-12-29	024308001420	IE 4.13	
11	H72520850200000059	VU LAN CHINH	女	2000-11-16	024300007897	IE 4.13	
12	H72520850200000060	NGUYEN THI HA CHAU	女	2009-02-17	027309009258	IE 4.13	
13	H72520850200000061	NGUYEN THI NGOC THAO	女	2009-07-23	027309011293	IE 4.13	
14	H72520850200000062	NGUYEN THI THUY HA	女	2003-05-29	027303000718	IE 4.13	
15	H72520850200000063	VU THI CHINH	女	2003-05-02	027303010320	IE 4.13	
16	H72520850200000064	DANG TRUONG GIANG	男	2005-04-28	024205003294	IE 4.13	
17	H72520850200000065	LUONG THI THIEP	女	2006-04-02	e01919166	IE 4.13	
18	H72520850200000066	DANG THI KHANH LINH	女	2006-07-19	027306000409	IE 4.13	
19	H72520850200000067	DAO HOA LAN	女	2005-10-28	026305001159	IE 4.13	
20	H72520850200000068	DO NGOC HAN	女	2006-06-16	001306025647	IE 4.13	
21	H72520850200000069	NGUYEN THI HUONG	女	2005-04-25	067305005234	IE 4.13	
22	H72520850200000070	NGUYEN THUY LINH	女	2006-08-28	014306008033	IE 4.13	
23	H72520850200000071	NGUYEN THI THANH THAO	女	2006-03-07	01306057009	IE 4.13	
24	H72520850200000072	NGUYEN TIEN DUC	男	2005-04-12	027205002146	IE 4.13	
25	H72520850200000073	DO THI TU ANH	女	2005-02-15	024305006520	IE 4.13	
26	H72520850200000074	PHAN THI NGOC ANH	女	2005-12-08	033305005197	IE 4.13	
27	H72520850200000075	NGUYEN THI YEN NHI	女	2006-05-24	027306000654	IE 4.13	
28	H72520850200000076	NGUYEN THI QUYNH ANH	女	2006-03-05	027306007582	IE 4.13	
29	H72520850200000077	HO THI HUNG HUONG	女	2006-12-31	001306012703	IE 4.13	
30	H72520850200000078	DINH THI NGOC LAN	女	2006-03-20	001306063684	IE 4.13	